

KẾT QUẢ KINH DOANH

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 4,400 VNĐ | | |
| 31/12/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.2% | - | - |

| | | | |
|----------|------|--------|-------------------------|
| DT thuần | 2024 | 1,013 | YoY ▼ 56.0 ▼ 5.2% |
| | | tỷ VNĐ | |

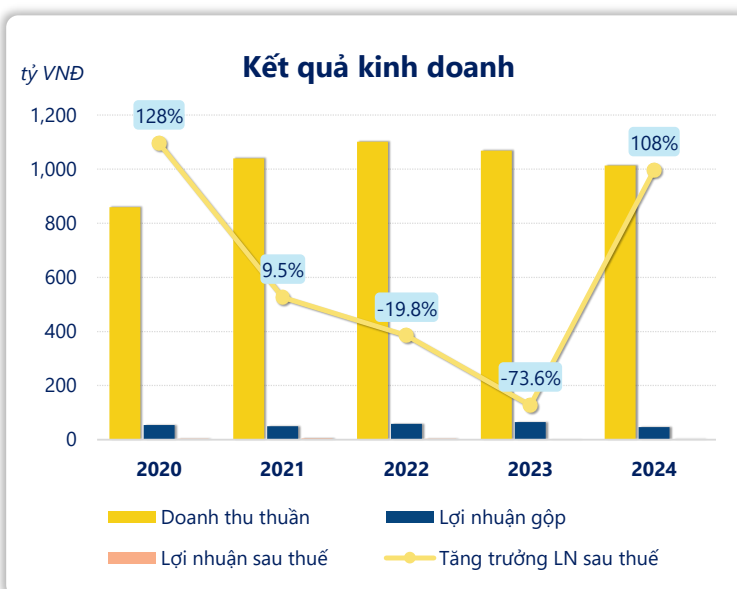
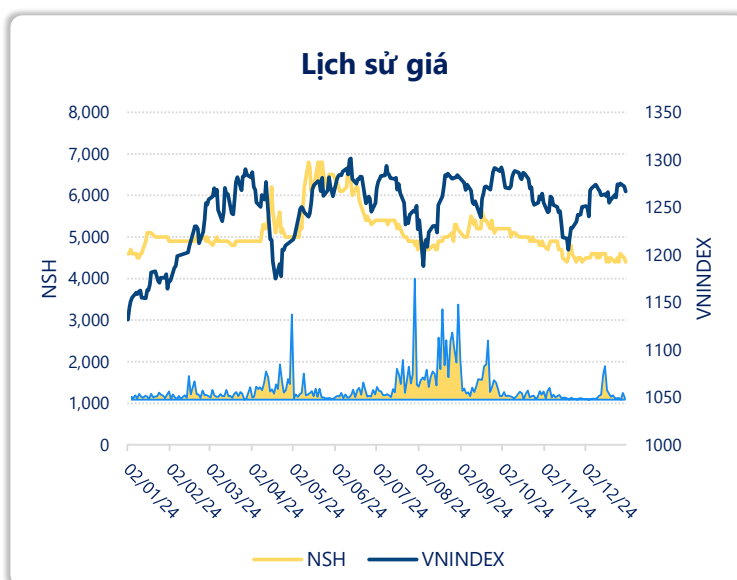
| | | | |
|--------|------|--------|--------------------------|
| LN góp | 2024 | 46.8 | YoY ▼ 18.4 ▼ 28.2% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|------|--------|-------------------------|
| LN thuần | 2024 | 2.76 | YoY ▲ 0.24 ▲ 9.9% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|------|--------|-------------------------|
| LN sau thuế | 2024 | 1.87 | YoY ▲ 0.97 ▲ 108% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----|------|------|-------------------|
| ROE | 2024 | 0.8% | +/- YoY ▲ 0.4% |
|-----|------|------|-------------------|

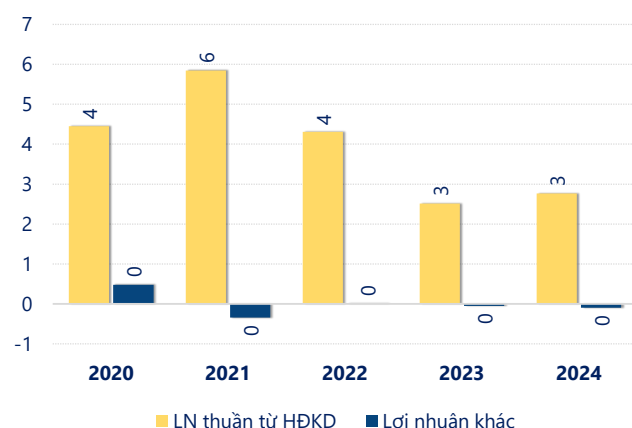
| | | | |
|-----|------|------|-------------------|
| ROA | 2024 | 0.2% | +/- YoY ▲ 0.1% |
|-----|------|------|-------------------|



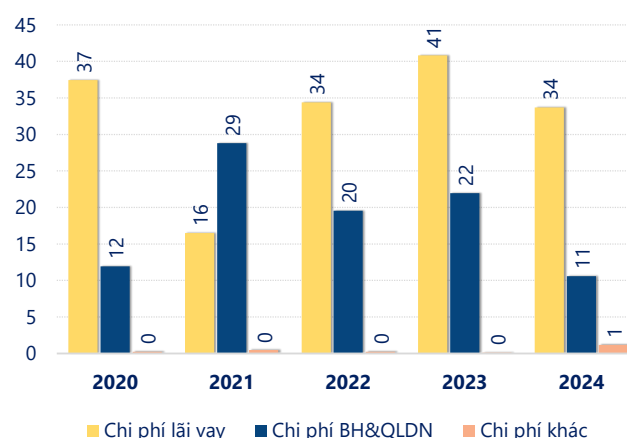
Năm **2024**, **NSH** ghi nhận doanh thu thuần **1,013** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1.87** tỷ đồng, lần lượt **giảm 5.20%** và **tăng 108%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận

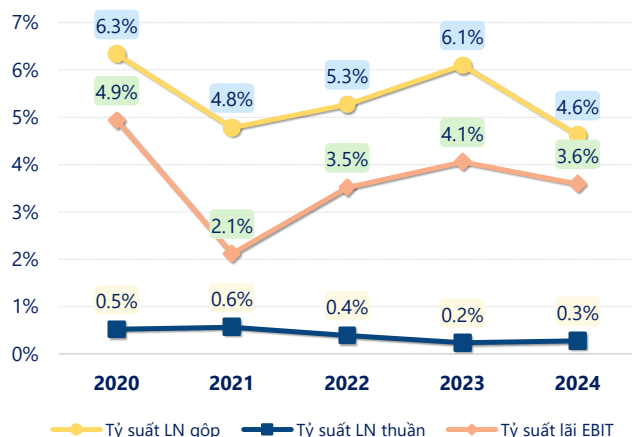
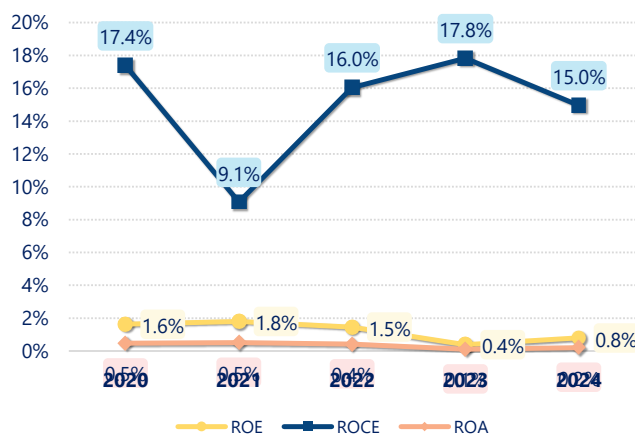
tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

Năm **2024**, **NSH** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **2.76** tỷ đồng, **tăng lên 0.25** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (3.98 tỷ đồng) là 1.21 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **33.70** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng giảm xuống** còn **10.58** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 1.18** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của NSH năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **0.79%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận**Tỷ suất sinh lợi**

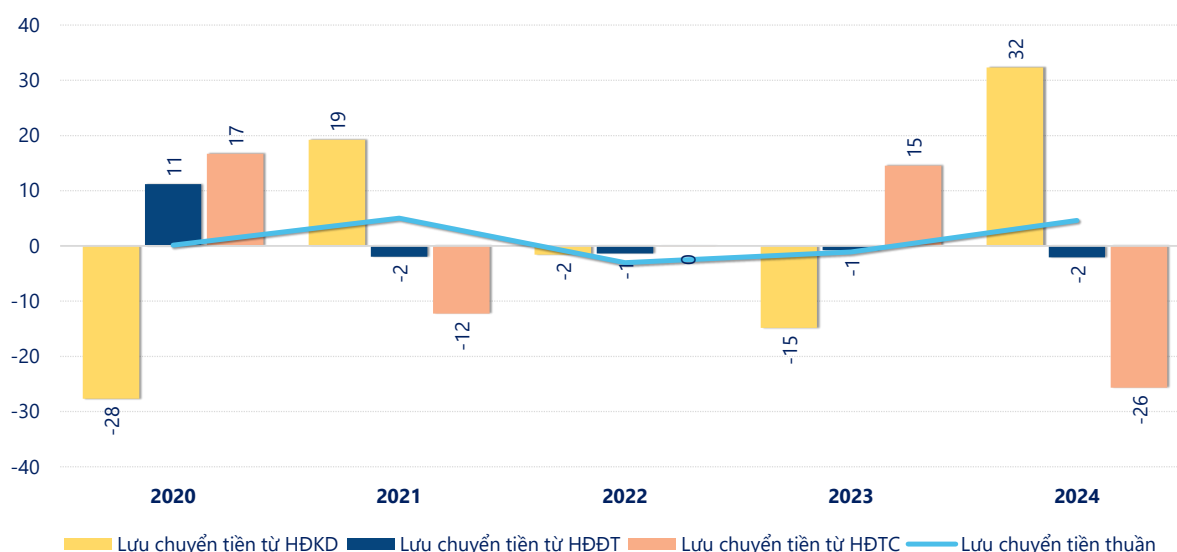
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

| | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---------------------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 859 | 1,040 | 1,101 | 1,069 | 1,013 |
| Giá vốn hàng bán | 804 | 990 | 1,043 | 1,003 | 966 |
| Lợi nhuận gộp | 54.4 | 49.7 | 58.0 | 65.2 | 46.8 |
| Doanh thu HĐTC | 0.29 | 0.77 | 0.36 | 0.24 | 0.57 |
| Chi phí TC | 38.3 | 15.8 | 34.5 | 41.0 | 34.0 |
| Chi phí lãi vay | 37.4 | 16.5 | 34.4 | 40.8 | 33.7 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 4.89 | 5.84 | 5.65 | 5.56 | 5.89 |
| Chi phí QLDN | 7.03 | 23.0 | 13.9 | 16.4 | 4.69 |
| LN thuần từ HĐKD | 4.45 | 5.84 | 4.31 | 2.52 | 2.76 |
| Lợi nhuận khác | 0.48 | -0.34 | 0.02 | -0.05 | -0.10 |
| LN trước thuế | 4.93 | 5.50 | 4.33 | 2.46 | 2.67 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.89 | 4.26 | 3.41 | 0.90 | 1.87 |
| LNST của CĐ cty mẹ | 3.89 | 4.26 | 3.41 | 0.90 | 1.87 |

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của NSH bằng **4.59** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-1.07 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **32.33** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2.07** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-25.68** tỷ đồng.